

Tác Giả và Tác Phẩm

Hoàng Ngọc Hiến (II)

Tiểu sử

Mất ngày xxx tại Hà Nội.

Tác phẩm

Minh triết phương Đông và triết học phương Tây



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Tường nhớ anh Hoàng Ngọc Hiến - Lại Nguyên Ân - 2

Giọng điệu trong văn chương – Hoàng Ngọc Hiến - 5

Nhớ Hoàng Ngọc Hiến – Nguyễn Quang Lập – 7

Ông văn hiển trí thức – Phạm Xuân Nguyên - 9

Phụ đính:

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến sinh ngày 21-7-1930 tại Đức Thọ, Hà Tĩnh. Ông làm nghề dạy học từ năm 1949, bảo vệ luận văn tiến sĩ văn chương tại Liên Xô, về nước giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Văn hóa và là hiệu trưởng đầu tiên của trường Viết văn Nguyễn Du, ông tham gia công tác giảng dạy ở đây cho đến khi về hưu. Ông cũng là thầy của nhà văn tên tuổi của Việt Nam như Bảo Ninh, Hữu Thịnh, Y Ban, Võ Thị Xuân Hà, Văn Chỉnh...

Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến nổi tiếng với các công trình nghiên cứu, lý luận phê bình văn học hiện đại, ông được coi là một cây đại thụ của phê bình văn học VN. Ông được tặng giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1985 cho tác phẩm dịch Maiacopxki - hài kịch. Các tác phẩm văn học chính của ông gồm: Văn học Xô-viết đương đại; Maiacopxki, con người, cuộc đời và thơ, Maiacopxki, hài kịch; Văn học - học văn; Văn học gần và xa; Triết lý văn học và triết luận văn chương. Những năm gần đây, ông nổi tiếng với một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về minh triết Đông-Tây. Ngoài những cống hiến đặc biệt cho văn học nước nhà, đặc biệt ở phương diện phê bình văn học, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến còn là một nhà triết học, một nhà văn hóa lớn của dân tộc.

Tuy nhiên do tuổi cao cộng với căn bệnh ung thư hiểm nghèo, ông đã qua đời không lâu sau ca phẫu thuật tại bệnh viện Hà Nội. Tang lễ nhà nghiên cứu - nhà văn Hoàng Ngọc Hiến được tổ chức vào ngày 28-1 (tức 25-12 âm lịch) tại Nhà tang lễ số 5 Trần Thánh Tông - Hà Nội.

Tưởng nhớ anh Hoàng Ngọc Hiến Lại Nguyên Ân

... Thời học đại học, chúng tôi theo trường sơ tán lên Thái Nguyên, sát chân núi Tam Đảo, – nơi mà nhà thơ Xuân Diệu từng gọi vui là “u ti quốc”, – ngoài các giảng viên trong hai khoa văn và sử, hầu như chúng tôi chẳng biết gì về giới các nhà phê bình, nghiên cứu văn học khác. Khoảng đầu năm 1966, trên *Tạp chí văn học* chúng tôi được đọc bài “Triết lý Truyện Kiều” ký tên tác giả Hoàng Ngọc Hiến. Bài báo gây một ấn tượng rất đậm trong trí óc những sinh viên ngữ văn sắp ra trường như bọn tôi. Chúng tôi dò hỏi trong giới giảng viên thì được biết tác giả bài báo ấy là một trong mấy phó tiến sĩ ngữ văn đầu tiên của miền Bắc Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô, hiện đang là giảng viên Đại học sư phạm Vinh. Lúc ấy chúng tôi còn chưa biết rằng Hoàng Ngọc Hiến từng là trợ lý của GS. Trần Đức Thảo ở Đại học sư phạm văn khoa, và đã là một trong 3 dịch giả (bên cạnh Hoàng Xuân Nhị và Nguyễn Duy Bình) của một trong những cuốn sách dịch lý luận văn học Nga (một số bài của Lenin và Bielinski) vào loại sớm ở Việt Nam (“*Những bài báo về Liev Tolstoi; Tổ chức đảng và văn học của đảng; Thư gửi Gogol*”, Nxb. Văn hóa, H., 1957).

Mãi đến đầu những năm 1970, tôi mới có dịp thấy Hoàng Ngọc Hiến. Tôi nói “thấy” là vì khi ấy cũng mới chỉ được nhìn và nghe anh thôi, chứ chưa được gặp và nói chuyện với anh. Đó thường là tại những hội thảo do một cơ quan nào đó tổ chức ở Hà Nội, và Hoàng Ngọc Hiến là một trong những diễn giả được chú ý do cái mới về học thuật mà anh cung cấp, lại cũng do phong cách nói năng khá nổi bật của anh. Tôi còn nhớ tại một hội thảo nọ, chủ tọa chỉ dành cho anh 10 phút, anh lại phải nói về chủ nghĩa Freud (freudisme) là thứ mà phần đông người nghe khi đó chưa biết, thế mà anh Hiến tận dụng được 10 phút để cho người nghe biết thật vắn tắt chủ nghĩa ấy là gì. Tôi nghe anh nói lần ấy ấn tượng đến nỗi trong vòng gần một năm, tôi vẫn có thể nhắc lại được những điểm chính cho vài bạn không có mặt hôm ấy.

Ấy thế rồi tôi được gặp anh, mà điều kỳ lạ lại là anh đã đi tìm tôi. Nói lại chuyện này bây giờ như là nói một chuyện bịa! Hồi đó anh được chuyển từ Vinh về trường lý luận nghiệp vụ của bộ văn hóa ở Hà Nội, được giao chuẩn bị mở khoa viết văn. Anh cần tập hợp một số cán bộ giúp việc. Có ai đó trong số bạn bè đã mách anh trường hợp của tôi; khi ấy tôi đang dạy học tại một trường của bộ nội thương đóng ở Ba Vì, Sơn Tây. Anh đạp xe xuống tận nhà riêng của tôi ở phường Vĩnh Tuy, cuối đường Minh Khai; tôi vắng nhà, anh để lại một bức thư ngắn. Cuối tuần tôi về, đọc thư, vội đến tìm anh ở trường lý luận nghiệp vụ. Anh nói sẵn sàng nhận tôi về khoa mới do anh phụ trách. Tôi muốn thế lắm, nhưng vấn đề là phải xin chuyển được khỏi chỗ đang làm, – một việc cực kỳ khó khăn. Rốt cuộc tôi không chuyển được về chỗ anh. Nhưng từ đấy tôi đã quen anh, thỉnh thoảng lại cũng được gặp anh tại các hội thảo, nơi mà tôi là một thính giả ham nghe, anh là một trong số diễn giả yêu thích của nhiều người, nhất là bọn viết phê bình nghiên cứu trẻ. Trong sự phát triển con đường học thuật của mình, phải nói là bọn chúng tôi chịu ơn anh rất nhiều.

Tôi còn nhớ, trước ngày khai giảng khóa viết văn đầu tiên, suốt mấy tuần liền anh Hiến thuyết trình về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và nhận thức luận, theo một công trình của viện sĩ P.V. Koptin. Chưa bao giờ tôi được nghe giảng lý thuyết mác-xít sáng rõ như thế. Đến nỗi, sau khi khai giảng, khoa viết văn có mời một loạt giảng viên cao cấp từ trường N.A.Q. đến giảng để anh em học viết văn khóa I này luôn thể thi lấy bằng trung cấp lý luận chính trị, tôi cũng xin dự nghe và thi lấy bằng, chỉ tiếc rằng suốt học trình ấy tôi không thấy ai giảng được như anh Hiến đã giảng.

Theo tôi, con người Hoàng Ngọc Hiến là một định nghĩa về người trí thức, theo đó, điều cốt yếu ở trí thức là những ý kiến, những tri thức mà anh ta cung cấp cho nhân loại, cho xã hội, cho những người khác; còn lại, về những phương diện khác, anh ta giống hay khác người này kẻ kia, đều không phải là điều đáng quan tâm. Theo tôi, anh Hiến đã xem bản thân mình như thế với tư cách một trí thức, và anh cũng đối xử với các trí thức khác theo cung cách ấy.

Hoàng Ngọc Hiến là một trong số rất ít những bộ óc năng động nhất của giới lý luận nghiên cứu phê bình văn học ở ta những năm 1970-80. Ban đầu anh đóng vai trò như một cỗ xe tải khổng lồ, đưa về cho cộng đồng lý luận phê bình chúng ta hàng loạt vấn đề mới, về cả tri thức lẫn phương pháp nghiên cứu. Tầm ảnh hưởng của anh không thể đo đếm thậm chí bằng số các công trình dịch thuật, lược thuật mà anh đã làm, đáp ứng đặt hàng của các cơ quan nghiên cứu hoặc xuất bản; theo tôi ước tính thì số tài liệu lý thuyết ấy khá nhiều, về nhiều lĩnh vực, từ triết học, đạo đức học, đến mỹ học, nghệ thuật học, mà số tài liệu được xuất bản thì thường là rất ít so với số đã được anh thực hiện. Phải nói, anh đã tạo ra xung quanh anh cả một “sinh quyển” học thuật trong đó nổi lên vai trò của tư duy độc lập, của sự đòi hỏi tham khảo toàn thể giới trên từng vấn đề, của cái nhìn mới trên mỗi vấn đề. Câu văn của anh, dù khi lược thuật quan điểm các học giả nước ngoài hay trình bày ý tưởng của mình, bao giờ cũng mang dáng vẻ uy nghi, đường hoàng, đầy niềm tin của chủ thể phát ngôn. Rất nhiều mặt trong sự tiến triển về tư duy của giới nghiên cứu lý luận ở ta trong những năm ấy đã nhờ anh Hoàng Ngọc Hiến mà được tiếp thêm sinh lực.

Từ khi phụ trách khoa viết văn (có lúc được tách riêng thành đại học viết văn Nguyễn Du), anh Hiến có nhiều dịp hơn để gần gũi những người viết văn, cả lớp người đang học nghề viết lẫn lớp đàn anh đã có “thương hiệu” trong nghề được mời đến giảng dạy, truyền nghề. Anh bắt đầu đem khả năng tư duy với trình độ trừu tượng hóa cao của anh vào phân tích thực tiễn phát triển văn học Việt Nam. Không phải là chuyên gia văn học sử Việt Nam, nhưng anh tạo ra lợi thế của cách tiếp cận đột kích, đột phá, phát hiện những thuộc tính chiều sâu mà không phải nhà văn học sử thâm niên nào cũng dễ nhìn ra được.

Tiêu biểu cho nỗ lực này là bài viết *Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* (báo *Văn nghệ* số 23, ngày 9/6/1979), một tiểu luận mỹ học xuất sắc. Nhận xét về văn học đương thời, anh Hiến viết: “Nhìn chung trong sáng tác hiện nay, sự miêu tả *cái phải tồn tại* lấn át sự miêu tả *cái đang tồn tại*. [...] Đứng ở bình diện *cái phải tồn tại*, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút theo xu hướng miêu tả cuộc sống “cho *phải đạo*”, còn đứng ở bình diện *cái đang tồn tại* thì mối quan tâm hàng đầu là miêu tả sao cho *chân thật*. Đọc một số tác phẩm chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự *phải đạo* nhiều hơn tính *chân thật*. Có thể gọi loại tác phẩm này là “chủ nghĩa hiện thực *phải đạo*”. Thực ra ngay trong đời sống thực tại, do quy luật của sự thích nghi sinh tồn, dần dần được hình thành những kiểu người “*phải đạo*” với những cung cách suy nghĩ nói năng ứng xử được xem là “*phải đạo*”. Khái quát những hiện tượng hết sức thực tại này vẫn nảy sinh chủ nghĩa hiện thực *phải đạo*”.

Quả thật đây là một luận điểm hết sức xác đáng. Thế nhưng, trong quỹ đạo của tư tưởng bao cấp cũ, chính luận điểm ấy lại gây sốc phản cảm cho hầu hết giới quản lý văn hóa văn nghệ, vốn sống trong ý niệm rằng văn học này đang là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thành ra, khám phá lớn ấy lại đem đến cho tác giả của nó khá nhiều tai họa. Dù sao thì vẫn không ai có thể phủ nhận được rằng luận điểm ấy đã kích thích nảy nở những tư tưởng tương tự, hướng “nhìn thẳng vào sự thật” của xã hội và của văn nghệ, – những tư tưởng sẽ bùng ra ở cao trào đổi mới.

Vào thời đầu đổi mới, trong khi số khá đông cây bút phê bình lý luận hăng hái làm tiếp việc anh Hiến đã khởi ra, tập trung đập phá các khuôn hình tư duy bao cấp về văn học, thì chính anh Hoàng Ngọc Hiến lại tập trung phát hiện một số hiện tượng mới trong sáng tác. Anh chính là một trong số những người đầu tiên phát hiện tài năng Nguyễn Huy Thiệp, với lời tựa cho *Tướng về hưu*, tập truyện đầu tay của nhà văn này (1989). Tiếp đó anh tiếp sức cho Tạ Duy Anh với bài phê bình truyện ngắn *Bước qua lời nguyên* (1990), luôn thể anh đặt tên cho một dòng văn học mới ra đời những năm cao trào đổi mới: văn học “bước qua lời nguyên”, – một sự mệnh danh đầy khiêu khích, lại cũng đầy khích lệ.

Dần dà, từ giữa những năm 1990, trong xu hướng học thuật của mình, anh Hiến vừa trở về gần chuyên ngành triết học trước đây của anh, vừa nỗ lực khai thác vốn trí tuệ dân tộc, trí tuệ phương Đông cổ truyền. Những vận dụng “âm dương” vào lý thuyết văn học của anh hồi giữa những năm ấy gây một số phản ứng, thậm chí sự chế nhạo đay đóm, nhưng anh không nhụt chí. Anh mở rộng phạm vi tìm hiểu, kể cả việc dịch thuật, thuyết trình những phân tích của một học giả phương Tây về các phạm trù tư tưởng phương Đông. Anh ngạc nhiên thú vị về hướng hoạt động của Trung tâm Minh triết Việt do anh Nguyễn Khắc Mai chủ trì, còn Trung tâm Minh triết Việt cũng vui mừng tìm ra anh Hiến như người tiêu biểu cho hướng đi bấy nay của mình. Anh Hiến say sưa trong những hội thảo về minh triết. Trong khi tuổi tác anh ngày càng cao, sức khỏe anh ngày càng xuống...

Hồi cuối năm 2008, nhân đi một hội thảo ở Sầm Sơn, tôi được ở chung phòng với anh. Khi ấy sức khỏe anh cũng đã hơi suy sút. Nhưng khi được hỏi về sự nghỉ ngơi, anh bảo anh đặc ý nhất một câu trả lời của nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát: “Rồi cuối cùng cũng nghỉ thôi mà!”

Đạo tháng 10 trong năm, gặp anh tại hội thảo về văn hóa Hà Nội, tôi thấy anh yếu đi nhiều. Giọng nói anh trước kia sang sảng, nay âm lượng nhỏ hẳn đi... Anh vẫn nồng nàn sắc sảo trong các ý kiến. Nhưng chúng tôi thì ngấm ngấm cảm thấy sắp mất anh. Lại nhớ câu cụ Khoát mà anh thích.

Giờ thì chúng tôi mất anh rồi. Cuối cùng, bộ óc chăm chỉ ấy cũng đã buộc phải nghỉ ngơi rồi.

Tiễn biệt anh, tôi cảm thấy ở làng nghiên cứu phê bình văn nghệ của ta có lẽ sẽ còn lâu lắm mới xuất hiện một bộ óc tầm cỡ Hoàng Ngọc Hiến./.

Giọng điệu trong văn chương Hoàng Ngọc Hiến

Văn học là “nghệ thuật ngôn từ”. Quan niệm này nhấn mạnh một đặc trưng của văn học (phân biệt văn và những loại hình nghệ thuật khác). Ở ta, có một thời giảng văn là giảng chính trị. Sau khi nắm được đặc trưng nói trên, việc truyền đạt các nội dung của tác phẩm văn học được thực hiện trên cơ sở bám lấy từ. Nhưng phương pháp dạy văn bám lấy từ (cho đúng với đặc trưng các bộ môn) thường được thực hiện hết sức thô thiển, máy móc, trong thực tiễn dạy văn của nhiều giáo viên văn, “bám lấy từ” có nghĩa là:

- Chỉ ra trong câu, trong đoạn của bài văn một số từ và nói rằng nội dung như thế này, như thế kia là ở những từ này, từ nọ (học sinh cũng làm như vậy).
- Tinh tế hơn, thì chỉ ra trong câu hoặc đoạn văn những mỹ từ pháp: điệp ngữ, ẩn dụ, đảo ngữ, so sánh, điệp âm, hoán dụ...

Đây là bám lấy từ một cách hình thức, là chủ nghĩa hình thức trong dạy văn, hiệu quả có khi còn tồi tệ hơn cách dạy nói chính trị hoặc xã hội học thoát ly văn bản. Đặc biệt học sinh thường bám lấy từ một cách hết sức vụng dại, ngô nghê.

Cái hay của bài văn không phải ở bản thân những từ và mỹ từ pháp ấy, mà chính là ở nội dung được truyền đạt một phần và chỉ một phần thôi nhờ vào những từ và mỹ từ pháp ấy.

Chỉ những câu thơ có “nhãn tự” thì chỉ ra được những “nhãn tự” là đầy đủ ý nghĩa, những câu thơ như vậy là rất hiếm. Giáo viên nhiều khi chỉ làm công việc gọi tên những mỹ từ pháp trong bài văn. Điều quan trọng trong giảng văn là nói cho được nội dung đã khơi sắc hơn, lấp lánh hơn nhờ vào mỹ từ pháp như thế nào. Không nói được những điều này thì việc gọi ra tên những từ và mỹ từ pháp trở thành một việc làm vô nghĩa. Bám lấy từ chỉ là một việc làm vô nghĩa. Bám lấy từ chỉ là một cách để làm sáng tỏ nội dung. Còn nhiều cách khác. Giáo viên có thể tạo ra nhiều liên tưởng bên ngoài văn bản, bên ngoài tác phẩm. Bám lấy từ chỉ là bước đầu để tiếp cận nội dung của bài văn có khi là ở “sự im lặng giữa những từ”.

Cách dạy văn bám lấy từ như đã nói ở trên đương trở thành một tai họa phổ biến ở trường phổ thông, thực chất là một cách làm việc vu vơ, lười nghĩ.

“Văn học là nghệ thuật ngôn từ”. Ngôn từ không chỉ bao gồm từ, mỹ từ. Trong tác phẩm văn học, câu văn phải có hồn. Ngay trong một bài viết lý luận mà câu văn có hồn thì còn “văn học” hơn một bài thơ giàu hình ảnh nhưng câu thơ không có hồn (điều này có thể cảm nhận được rất rõ mặc dù nói cho ra được điều này không dễ). Câu văn có hồn là câu văn có giọng, ngữ điệu, bởi vì từ ngữ của bài văn được chọn có thông báo nhiều điều quan trọng nhưng bài văn không có giọng đọc lên vẫn nhạt nhẽo vô vị. Sự phong phú, tính đa nghĩa, ý vị đậm đà của bài văn trước hết là ở giọng. Năng khiếu văn ở phần tinh tế nhất là năng lực bắt được trún cái giọng của văn bản mình đọc và tạo ra được giọng đích đáng cho tác phẩm mình viết. Bắt được giọng đã khó, làm cho học sinh cảm nhận được cái giọng càng khó, công việc này đòi hỏi sáng kiến và tài tình của giáo viên. Về phương diện này quan điểm của nhà nghiên cứu văn học M.B. Khravchenko tiếp cận tác phẩm văn học như một “kết cấu các giọng điệu”, như một “hệ thống các ngữ điệu”, như một “gam ngữ điệu” là một luận điểm có ý nghĩa phương pháp luận quan

trọng đối với công việc giảng văn. “Hơi văn”, “văn khí”, “giọng văn”...đó là những khái niệm rất cơ bản của các tác phẩm văn học.

Người Pháp có câu “ Cest le ton qui commande la musique” (Chính cái giọng chi phối bài nhạc). Ở những áng văn hay, cái giọng của câu văn mở đầu có ý nghĩa quyết định cho sự cảm nhận cảm hứng chủ đạo và nội dung của toàn bộ tác phẩm. Nhà văn Marquer có thuật lại sau khi viết xong truyện Giời rui ro, ông đã đầy đủ tư liệu để viết Trăm năm cô đơn nhưng ông không thể nào cầm bút viết vì chưa tìm được giọng. Mãi năm năm sau ông mới tìm được giọng thích đáng: đó là cách kể của một bà già nói về những chuyện hoang đường, siêu nhiên bằng một giọng hết sức tự nhiên. Chỉ khi ấy, tác giả mới viết được. Phải mấy năm mới tìm ra giọng.

Hóa ra giọng kể có khi còn quan trọng hơn câu chuyện được kể rất nhiều! Muốn hiểu Truyện Kiều phải bắt được cái giọng của tác giả trong sáu câu triết luận mở đầu. Điều quan trọng trong đoạn mở đầu này không chỉ ở luật oái oăm, ác hại trong “cõi người ta”: tài mệnh tương đố, bỉ sắc tư phong, hồng nhan bạc mệnh. Điều quan trọng hơn cả là cái giọng mỉa mai, hờn mát, đay đả của tác giả khi nói đến những luật này:

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau

Tác giả không thần nhiên ghi nhận cái luật oái oăm này. Thái độ tác giả bao hàm nhiều sắc thái. Từ “khéo là” có bao nhiêu nghĩa thì cái giọng của tác giả biểu hiện ở đây có bấy nhiêu sắc thái: mỉa mai, hờn mát, bỡn cợt, châm chọc... “Tài mệnh tương đố” không phải là tư tưởng của Truyện Kiều. Triết lý của Truyện Kiều là ở cái giọng của tác giả khi nói về tư tưởng này, nói ở chữ “khéo là” xen vào câu “tài mệnh tương đố”.

Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen

Cũng như cách phân tích ở trên, “bỉ sắc tư phong”, “hồng nhan bạc mệnh” không phải là tư tưởng đích thực của Truyện Kiều. Ở đây cái giọng của tác giả rất rõ. Trước luật cõi đời và luật của trời, Nguyễn Du là một người đáo đẽ với cái giọng đay đả, đay nghiến của ông: “Lạ gì...” ở đây bộc lộ một thái độ dè bủ, bực tức, chán ngán. Khi ta nói “ lạ gì anh ấy” thì hoặc là ta dè bủ, hoặc là ta bực tức, hoặc là ta chán ngán...anh ấy, chắc không phải là một thái độ thiện cảm. Cái giọng văn của Nguyễn Du khi nói đến luật “hồng nhan bạc mệnh” bao hàm một thái độ đối với “trời xanh”, một cái giọng xẵng và có thái độ xấc. Với thái độ ấy và cái giọng ấy, nhà thơ có chửi luôn cả trời thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nếu như “ trời xanh quen thói” thì sự “ má hồng đánh ghen” không thể là một điều tốt lành. “ Quen thói “ có nghĩa là làm theo quán tính. Có thể nói “ quen thói hại người”, không bao giờ nói “quen thói giúp người”. Làm điều thiện, dù rất nhỏ bao giờ cũng đòi hỏi sự nỗ lực. Mỗi lần làm điều thiện là một lần nỗ lực mới. Có thể làm điều thiện theo quán tính, nhưng như vậy có còn là thiện nữa không?

Trong câu tục ngữ “ Ăn không nên đợi, nói không nên lời” thì “nói không nên lời” là một sự đau khổ của con người. Năng lực văn nhất thiết phải bao hàm năng lực nói nên lời. Có ý, có từ đầy nhưng vẫn lúng túng chưa thành câu, hoặc câu văn có thành thì tẻ nhạt, bởi vì còn thiếu cái quan trọng nhất: thiếu khẩu khí, thiếu hơi văn, chưa có ngữ điệu, giọng điệu thích đáng. “Vạ miệng” nhiều khi chỉ là do không tìm được một giọng thích đáng để trình bày chân lý. Khi người ta có cảm hứng, dường như giọng và ngữ điệu nảy sinh trước và từ ngữ dường như được gọi đến thể hiện ngữ điệu và giọng điệu thành lời, thành câu. Lời và văn hình thành như vậy thường rất hoạt. Người giỏi văn không chỉ là dồi dào ý, giàu từ ngữ mà còn giàu ngữ điệu, giọng điệu. Mỗi lần cần đến, có thể tìm được ngay giọng nói hoặc ngữ điệu thích đáng. Và chẳng, ý hình thành chưa rõ, chưa dứt khoát nhờo giọng điệu trở thành rõ hơn, dứt khoát hơn. Người dạy văn giỏi tạo ra nhiều ngữ điệu, giọng điệu thích đáng, đa dạng, ăn sâu vào cảm nhận của học sinh và đây là một phần quan trọng trong tiềm lực văn của học sinh. Cảm hứng

nào, giọng điệu ấy; nhưng cũng có thể ngược lại, giọng điệu định hướng sự hình thành cảm hứng. Ở trường phổ thông, đặc biệt cấp cơ sở, học thuộc lòng để thuộc ngữ điệu, tiết tấu cũng như đọc diễn cảm để thấm các giọng điệu của bài văn là hết sức quan trọng. Cũng phải thể tất cho giáo viên văn đôi khi “nói trạng” ở lớp. Tuy có lan man ngoài đề nhưng sự giàu có ngữ điệu và giọng điệu ở người có tài “trạng” sẽ để lại sự cảm nhận của học sinh những điều có khi còn quý giá hơn kiến thức. Đây là chưa nói không khí hào hứng tạo ra trong lớp hết sức cần thiết cho sự cảm thụ văn học. Nói trạng hay cũng là một tài năng.

“ Văn học là nghệ thuật ngôn từ”. Dạy văn không chỉ có dạy ngôn từ, còn có một mục tiêu cơ bản hơn là xây dựng và bồi dưỡng ý thức ngôn từ. Có ý thức về sức khỏe còn quan trọng hơn là có sức khỏe. Có ý thức về ngôn từ là có ý thức về tính tích cực chủ động và khả năng sáng tạo của mình trong việc tiếp nhận và sử dụng vốn ngôn từ của xã hội. Là người có ý thức - không cứ gì trong đọc văn hay đọc sách báo, mà ngay cả trong giao tiếp hằng ngày- thường xuyên nhặt nhạnh những từ ngữ độc đáo, những cách nói đích đáng, những cách diễn đạt thần tình làm giàu cho vốn từ ngữ của mình, thường xuyên tiếp nhận những giọng điệu, ngữ điệu làm giàu cho khẩu khí, văn khí của mình.

Để bồi dưỡng ý thức ngôn từ cho học sinh, ở những lớp dưới, có thể cho các em làm quen với những cách nói láy, chơi chữ tài tình. Ở những lớp trên, có thể phân tích từ nguyên của từ, cảm nhận sự lấp lánh nghĩa đen và nghĩa bóng trong ngôn ngữ, cảm nhận sự trả lại nghĩa đen cho từ được dùng theo nghĩa đen, giúp cho các em thử nghiệm việc xé những cụm từ cố định để làm sống lại nghĩa của từ bị mòn mòn trong cụm từ cố định... Chẳng hạn, thường ta nói “đau lòng”, khi Nguyễn Du nói “đau đốn lòng” thì cụm từ cố định “đau lòng” bị xé ra và đau đốn làm sống lại ý nghĩa đích thực của từ “đau”. Tìm những thủ pháp nhằm kích thích, bồi dưỡng ý thức ngôn từ của học sinh, đó là một lĩnh vực còn mới mẻ của giáo học pháp giảng văn và đương chờ đợi những tìm tòi, sáng kiến của giáo viên văn học.

Có thức ngôn từ là có ý thức về sức mạnh của ngôn từ. Hơn ai hết, các nhà văn có ý thức về sức mạnh này. “Tôi biết sức mạnh của ngôn từ... ngôn từ là tướng của đạo quân sức mạnh con người” (Maiakovsky). Nghĩa của ngôn từ càng hèn kém đi thì xã hội càng ít thành đạt trong tất cả những biểu hiện của nó. Ngôn từ là chìa khóa cho “tất cả”.

Nhớ Hoàng Ngọc Hiến Nguyễn Quang Lập

Gần tết mình bay ra Hà Nội, vừa rời máy bay, bật mobile đã thấy 8, 9 tin nhắn báo tin: “ *Thầy Hoàng Ngọc Hiến đã mất lúc 23h ngày 24.1.2011*”. Tất cả các tin nhắn đều là các nhà văn, có người học với anh, có người không học với anh một giờ nào như Phạm Xuân Nguyên cũng gọi anh bằng thầy. Mình cũng vậy, chưa được học với anh một giờ nào nhưng mình luôn coi anh là thầy, như mình đã từng coi Hoàng Phủ Ngọc Tường là thầy vậy.

Thực ra mình đã bỏ qua nhiều cơ hội để được học với Hoàng Ngọc Hiến ở Trường viết văn Nguyễn Du. Khóa I thì không dám mơ vì không thể đấu lại với các nhà văn “đại ca” lớp trước, toàn là những tài năng văn chương thời chống Mỹ. Khi đó mình còn nhỏ, mới vẽ vẽ làm thơ chẳng có tiếng tăm gì, chỉ dám nép cửa sổ nghe anh giảng. Các khóa sau hoàn toàn có thể thi đỗ vào Trường nhưng khi thì bận đi lính, khi thì bị tai nạn giao thông, khi thì vừa mới vào làm công sở không dám xin đi học, thành ra lỡ mất các dịp Nhà trường tuyển sinh. Năm 89, 90 chi đó anh Phạm Vĩnh Cư và Tạ Duy Anh về Quảng Trị vào nhà mình “dự đỗ” mình đi học. Anh Cư còn nói tụi mình đang muốn cậu làm lớp trưởng khoá tới. Hi hi. Nhưng khi đó hai đứa con còn nhỏ quá, vợ thì không có việc làm nên mình đành chịu. Bây giờ nghĩ lại cứ tiếc mãi.

Cho nên mình chỉ được nghe lóm anh Hiến dạy thôi. Hồi đó mình học Bách Khoa, hôm nào có tiết hay thầy giỏi thì chị Dạ (Lâm Thị Mỹ Dạ) lại nhẩn lên Trường để mình đứng nghe lóm. Mình đã đứng sau cửa sổ nghe lóm rất nhiều giờ. Cái trò nghe lóm như ăn vụng vậy, rất thích. Nghe đến đâu thắm đến đó. Lần đầu tiên mình biết S.Freud là ai, thuyết phân tâm học là gì. Chưa bao giờ mình nghe ai nói về phân tâm học của S. Freud để hiểu và hấp dẫn như Hoàng Ngọc Hiến. Chỉ một giờ đứng nghe lóm thôi mà mình sáng ra biết bao điều. Sau này mò sách về phân tâm học, toàn sách của miền Nam in, đọc thấy rối mù chẳng hiểu gì cả, phải nhờ anh Tường (Hoàng Phủ Ngọc Tường) giảng mãi mới hiểu.

Hồi đó nhìn thấy anh Hiến thì sợ lắm, chỉ dám đứng xa xa nhìn, không dám đến gần. Mãi đến cuối năm 1985 mới được ngồi trò chuyện với anh. Hôm đó anh Tường ngồi nhậu với anh ở quán rượu nhỏ gần Trường, khi mình đến thì hai anh đã nhậu lâu lắm rồi. Anh Tường cứ rượu vào là nói lia xia, anh Hiến tay gấp thức ăn miệng nói đúng đúng đúng. Anh Tường nói gì anh cũng đúng đúng đúng, tuồng như anh không *quan* tâm đến anh Tường nói gì, chỉ say sưa gấp gấp gấp đúng đúng đúng. Rất vui.

Anh Tường vỗ vai mình giới thiệu với anh Hiến, nói đây là Nguyễn Quang Lập. Anh ngược lên mở to mắt nhìn mình, nói a thế à. Tường như mọi đàn anh khác khi mới gặp mình, thế nào anh cũng nói tởm đọc của cậu rồi, được lắm. Hoá ra không. Anh lại cúi mặt gấp gấp gấp đúng đúng đúng với anh Tường. Mình hơi bị thất vọng, nghĩ bụng anh “ A thế à ” vậy thôi chứ chẳng đọc của mình chữ nào. Mãi khi đĩa mỗi sạch bách, anh thông thả lấy giấy lau miệng, nói này cậu, cái *Tiếng lục lạc* là một chuẩn truyện ngắn đấy. Nhưng sao lại có chức danh trợ tá? Tôi hỏi mấy ông bác sĩ rồi, họ nói ở bệnh viện chẳng có chức danh nào là trợ tá cả. Mình thú thật, nói đó là y tá giúp việc cho bác sĩ, nhưng viết thế dài dòng quá nên em gọi bừa là trợ tá. Anh lại mở to mắt nhìn mình, nói a thế à. Nhưng mà từ chuyên ngành của người ta thì mình không nên bịa, có bịa cũng phải chú thích.

Chỉ chừng đó thôi mình đã hãi anh. Đọc thấy một từ lạ thì đi tra, tra không được thì đi hỏi đấy là bài học đầu tiên mình học từ anh. Sau này quen anh rồi, nhiều lần ngồi nói chuyện cùng anh mới thấy bệnh qua loa đại khái, thói giấu dốt của mình thật đáng xấu hổ. Anh nói tu bổ kiến văn như ăn cơm vậy. Nếu mắc xương thì lo khạc ra rồi mới ăn, cứ để đấy ăn liền thì chẳng những bữa cơm không ngon mà chẳng tác dụng gì, vì mình không ăn mà nuốt sống. Nếu không biết điều gì là anh hỏi ngay, hỏi cả những người thua anh cả chục bậc về đẳng cấp chẳng hề sợ người ta chê mình dốt. Có lần nghe anh hỏi một người anh đã chê dốt trong một bài phỏng vấn nổi tiếng. Mình quá ngạc nhiên, nói anh chê nó dốt kia mà? Anh nói thì nó dốt thật chứ sao, nhưng cái điều này nó biết mà mình không biết thì mình hỏi, có gì đâu. Anh hỏi và a thế à đầy ngỡ ngác, rồi đúng đúng đúng đầy sáng khoái, cứ như anh vừa lạc vào một thế giới văn minh nào đó.

Nhưng chớ có nghe anh a thế à, đúng đúng đúng mà tưởng bở. Có lần mình ngồi nói chuyện với anh, hình như nói về cái *Văn học phải đạo* của anh thì phải. Mình nói lia xia, anh mắt mở đầu gật, hết a thế à lại đúng đúng đúng. Mình sượng lỗ rồn nói càng bốc. Đến khi anh nói lại thì hoá ra hầu hết ý kiến của mình hoặc rất ấu trĩ hoặc sai bét. Anh cứ a thế à vậy thôi nhưng khi anh đưa ra ý kiến của mình thì bao giờ cũng có một cái gì đó rất độc đáo, bất luận vấn đề gì.

Nói chuyện a thế à, đúng đúng đúng của anh, có lần mình nghe chị Nga, vợ anh, kể mới vui. Thời anh chị mới cưới nhau, nửa đêm không thấy anh lên giường, cứ đi lại làm bầm mãi một điều gì đó. Sốt ruột, chị nói khuya rồi, không đi ngủ cứ đi đi lại chóng cả mặt. Anh quay lại cúi xuống mở to mắt nhìn chị, nói a thế à, đúng đúng đúng. Xong rồi anh lại vẫn đi lại làm bầm, không chịu lên giường. Điên tiết, chị vùng dậy dài giọng dẫu môi, nói a thế à, đúng đúng đúng. Anh lại quay lại cúi xuống mở to mắt nhìn chị, nói a thế à, đúng đúng đúng. Hi hi. Viết đến đây nhớ chuyện anh Mạnh (Nguyễn Đăng Mạnh) kể một hôm anh đến chơi nhà thấy vợ chồng anh cãi nhau chuyện gì đó. Chị Nga đang mắng anh Hiến, nói ngu lắm. Anh Hiến mở to mắt nhìn chị, nói a thế à. Chị Nga nhẩy chồm chồm chồm, nói ngu lắm lắm ngu lắm. Anh Hiến gật gù, nói đúng đúng đúng. Chị Nga lờm cái, dẫu môi dài giọng nói a thế à, đúng đúng đúng, ngu ngu

ngu, rồi bỏ đi. Anh Hiến kéo tay anh Mạnh mặt mày nghiêm trọng, nói này, ông thấy không, vợ chửi mình ngu cũng giống như mình chửi Đế quốc Mỹ ngu ấy mà, đúng không. Chị Nga rất yêu anh Hiến, tính chị xồn xồn, động chuyện gì là nói ngay không nhin được, bất kể khi đó có khách hay không. Chị vẫn hay mắng anh ngu vì những niềm tin quá ngây thơ của anh. Mình cũng rất ngạc nhiên là một người trí lự phi thường, tư duy thậm logic lại thiên kinh vạn quyển như anh đôi khi lại tin vào mấy thứ tào lao, ai cũng thấy phi lý, chỉ có anh là không. Một dạo mình bị đại tràng, đau bụng rất khó chịu. Anh biết tin gọi điện cho mình nói có một loại thuốc hay lắm, rất thần kì, để tôi gửi cho cậu. Cậu phải uống ngay, uống thật đều thế nào cũng lành. Anh nói say sưa cả giờ về thứ thần dược này. Đã quá quen với mấy món "thần dược" mà lâu lâu anh lại giới thiệu cho mình, mình dạ dạ cho qua chuyện. Anh cho người mang xuống Linh Đàm cho mình một gói thuốc bột kèm theo một tài liệu giới thiệu loại thuốc này, toàn là những quảng cáo tào lao xit bộp. Đại loại tổng thống nước này ung thư di căn uống ba liều thì khỏi, nhà sư ngã gãy lưng vừa uống thuốc này vừa hoà thuốc với nước chanh bóp ba tháng thì lành... y chang tài liệu *Niêu liệu pháp* mình đã đọc ngày xưa. Mình gọi điện cho anh, nói anh ơi tài liệu tào lao thế mà anh cũng tin à. Anh lặng đi vài giây, nói à thế a. Lại lặng đi vài giây, nói nhưng tài liệu này là chuẩn của nó đấy. Rồi ngày nào cũng gọi điện hỏi, nói uống chưa, uống đi. Mình đem gói thuốc sang cho ông dược sĩ hàng xóm. Ông ngửi ngửi nếm nếm rồi cười phì, nói men tiêu hoá thôi mà, có gì đâu. Mình gọi điện cho anh, chưa kịp nói anh đã rối rít nói ngay, nói tôi biết rồi, tôi biết rồi, đang định gọi điện cho cậu đây. Mình cười khi khi, nói ôi anh Hiến ơi là anh Hiến. Anh cũng cười khi khi, nói a thế à.

Tại đám tang đưa tiễn anh về trời, sau điệu văn của anh Hữu Thịnh, người em của anh Hiến lên nói lời cảm tạ. Ông nói nhiều về anh Hiến, trong đó có câu: Anh Hiến của tôi vừa là một nhà giáo chuẩn mực vừa là đứa bé ngây thơ giữa cuộc đời. Khi ông nói đến câu này tự nhiên mình bật khóc.

Ông văn hiến trí thức Phạm Xuân Nguyên

Nói về những người như ông không thể nói chuyện bằng cấp, chức danh. Ông thuộc những người cứ nhắc tên là mọi người biết và nhớ. Nhớ biết không phải ở phẩm hàm, chức tước, mà ở đóng góp trí tuệ, ở sự thúc đẩy xã hội vận động bằng những tư tưởng của mình.

Tôi gọi ông Hoàng Ngọc Hiến là "ông văn hiến trí thức".

Hà Nội đang những ngày rét đậm chờ Tết Tân Mão. Phố phường đông đặc, chen chúc người đi, người đến, người về tất bật cuối năm. Nhưng gần một tháng nay ông đã cách biệt với thế giới bên ngoài, cách biệt với vợ con, cách biệt với cuộc đời. Ông chìm sâu vào cơn hôn mê sau một ca mổ ở tuổi ngoài tám mươi. Trên chiếc giường bệnh ở phòng Gây mê hồi sức của Bệnh viện Hữu Nghị (Hà Nội), ông nằm đó bất động, khuôn mặt sưng phù cảm nhiều dây nhợ, sự sống từ cơ thể ông chỉ còn hiển hiện qua những vạch tín hiệu và những con số hiện lên trên máy đo. Mọi người vào thăm ông chỉ đứng lặng nhìn, lòng thầm mong có phép màu cho ông thêm tuổi sống, song cũng tự lòng biết ông khó qua khỏi. Nhưng khi gần nửa đêm ngày 24/1/2011, tin báo về từ bệnh viện là ông đã qua đời thì nhiều người vẫn bất ngờ, đau xót, tiếc thương.

Ông là Hoàng Ngọc Hiến. Gọi ông là nhà phê bình lý luận, nhà nghiên cứu văn học, văn hóa - đúng. Gọi ông là người thầy dạy suốt đời, cả khi đứng trên bục giảng lẫn khi đã nghỉ hưu, dạy trong những giờ lên lớp và dạy trong những câu chữ bài viết - đúng. Người đời thường gọi ông là giáo sư. Ông không làm hồ sơ để được phong chức danh này. Ông chỉ là phó tiến sĩ học ở

Liên Xô về từ đầu những năm 1960. Và suốt đời ông là phó tiến sĩ. Nhưng nói về những người như ông không thể nói chuyện bằng cấp, chức danh. Ông thuộc những người cứ nhắc tên là mọi người biết và nhớ. Nhớ biết không phải ở phẩm hàm, chức tước, mà ở đóng góp trí tuệ, ở sự thúc đẩy xã hội vận động bằng những tư tưởng của mình.

Tôi gọi ông Hoàng Ngọc Hiến là ông “văn hiến trí thức”.

Ông tên Hiến làm Văn nên gọi người văn hiến.

Ông cách thế trí thức nên là người trí thức.

Người được gọi là trí thức phải có hai điều: có một căn bản trí thức và có một bản lĩnh cá nhân. Nền tảng của trí thức là triết học. Người có căn bản trí thức là người có hiểu biết triết học, biết suy tư vấn đề bằng các phạm trù triết học, biết nhìn hiện tượng dưới góc độ triết học. Hoàng Ngọc Hiến do tư chất bẩm sinh của mình và do sự đào luyện/tự đào luyện của mình nên biết hướng đến triết học từ sớm. Kỷ niệm hai trăm năm ngày sinh Nguyễn Du (1965) ông đã có bài viết “*Triết lý Truyện Kiều*”. Ngay từ khi đó ông đã đề xuất cách nhìn hệ thống khi nghiên cứu một tác giả, một tác phẩm. Ông đã thấy “triết lý của Nguyễn Du quả là không tương xứng với tác phẩm thiên tài của Nguyễn Du”, nhưng tác giả *Truyện Kiều* vẫn là một trí tuệ lớn. Đó là “trí tuệ của trái tim” chứ không phải “trí tuệ của trí tuệ”, theo cách phân biệt của Lev Tolstoy mà ông dẫn ra. Và ông Hiến cho cách phân biệt này của nhà đại văn hào Nga là “biện chứng hơn sự phân biệt thường lệ giữa lý và tình”.

Có thể thấy xu hướng triết học như thế xuyên suốt học thuật của ông Hiến, mà dấu hiệu nhận biết là ông thường nâng vấn đề lên tầm triết. Những quan niệm ông đưa ra bằng những cụm từ có tính triết học đã làm nên tên tuổi Hoàng Ngọc Hiến và gây ra tranh cãi quanh tên tuổi ông. “Chủ nghĩa hiện thực phải đạo”, “văn học âm dương”, “văn học bước qua lời nguyên”, nhắc đến là thấy ra vấn đề, nhưng cũng rắc rối và phức tạp trong các vấn đề đó. Ngay cả cái câu “Cái nước mình nó thế” thốt ra từ miệng ông để rồi thành câu cửa miệng cũng có ý vị triết luận, triết lý một sự đời, một chiêm nghiệm sống! Cho nên không ngẫu nhiên khi ở chặng cuối đời ông lại hăng hái, nhiệt tình giới thiệu và truyền bá nhà nghiên cứu triết học Pháp F. Jullien vào Việt Nam. Cũng không vô cớ mà mối quan tâm chính hiện nay của ông là minh triết Việt. Địa hạt mới mẻ này đủ sức mời gọi và thách thức sức nghĩ của một đầu óc như ông Hiến.

Bản lĩnh cá nhân của người trí thức là biết suy nghĩ khác biệt và độc lập. Theo nhà triết học Pháp Montaigne, có ba vị thế đối với chân lý và các giá trị tinh thần: vị thế của người hư vô chủ nghĩa - những người từ chối tìm kiếm chúng; vị thế của người giáo điều - những người đã tìm thấy chúng; và vị thế của người nghiên cứu không mệt mỏi - những người tiếp tục tìm kiếm ngay cả nếu họ biết rằng sự tìm kiếm không đi đến đâu cả. Ông Hiến ở vị thế thứ ba. Tôi đã từng viết về ông cách đây hai mươi năm: “Thông minh nên tư biện hay tư biện do thông minh, thật khó mà rạch ròi. Chỉ biết do vậy nên bất kỳ bài viết nào của ông cũng đều khoa học và đều có một chút gì đáng ngờ về mặt khoa học”. Muốn đi đến một mục tiêu thì phải tìm đường, mở đường, quá trình này có thể bị lạc đường, sai chón, nhưng không vì sợ sai sợ lạc mà chùn bước, mà ngại mở đường.

Theo một nhà nghiên cứu, có hai kiểu người mang văn hóa trí thức thay nhau bước ra tiền đài lịch sử. Kiểu “ồn thỏa” thể hiện trong mình văn hóa như là hệ thống chức năng chuẩn mực; kiểu “gây sự”, ngược lại, - đó là người mang sự khủng hoảng văn hóa, sự tởm, đổ nát, và sự thay thế các hình thức của văn hóa. Ông Hiến thuộc kiểu trí thức “gây sự”. Cuộc khủng hoảng của văn học Việt Nam sau năm 1975 đã được ông nhận thức sớm và báo động sớm bằng việc chỉ ra nguyên nhân “chủ nghĩa hiện thực phải đạo” trong một bài viết đăng năm 1979, khi mà những tụng ca vẫn đang vang lên không ngớt. Ông đã phải hứng chịu nhiều lao đao sau bài viết đó, nhưng lịch sử đã chứng tỏ ông thấu suốt và kịp thời. Cái câu ông viết cho Nguyễn Huy Thiệp: “Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió”, cũng lại khẳng định một tầm nhìn và một thái độ của ông đón trước cái mới, ủng hộ cái mới, bảo vệ cái mới cho văn học khi xuất hiện một nhà văn tài năng đáp ứng được những đòi hỏi thẩm mỹ mới của một xã hội đang bước sang một giai đoạn phát triển mới. Ông đã viết về Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Nguyễn Việt Hà từ rất sớm,

đọc kỹ những nhà văn này để không chỉ khen ngợi họ, cổ vũ họ, mà còn để từ họ khơi lên những vấn đề mang tầm triết học, chính luận cần thiết cho sự phát triển của đất nước hiện thời. Không phải những phân tích, luận giải của ông không gây tranh cãi, phản bác ở ý này điểm nọ, nhưng chúng luôn kích thích người viết và người đọc ở cách đề xuất và lật xới các vấn đề từ trong và từ ngoài những tác phẩm, những hiện tượng văn học, văn hóa. Kiểu trí thức “gây sự” này luôn chống lại những lối mòn khuôn sáo, những cũ kỹ lạc hậu trong tư duy, trong mỹ cảm. Chúng ta đang thiếu nên đang rất cần những ông Hiến đó.

Ông Hiến là phó tiến sĩ ngữ văn Hoàng Ngọc Hiến, không phải phó giáo sư, giáo sư. Tôi nhắc lại điều này vì thấy cần thiết trong hoàn cảnh giáo dục đang nhiều thật giả lẫn lộn hiện nay. Nhưng tôi nói thế lại thành ra có lỗi với ông Hiến, vì những chức danh này chẳng bận tâm tới ông. Bằng vào cái ông làm trong nghiên cứu văn học, tôi gọi ông là người văn hiến. Bằng vào cái ông sống trong nghề và trong đời, tôi gọi ông là người trí thức. Nhưng khi đã gọi là văn hiến trí thức thì đây là một khái niệm tập hợp, chứ không còn là một phép cộng của các phần tử. Ông Hoàng Ngọc Hiến, với tôi, là ông văn hiến trí thức.

Một lớp người văn hiến trí thức như thế đang già từ cõi thế, để lại cho đời những tư tưởng của họ, những câu hỏi và câu trả lời của họ, những đúng sai của họ. Câu thơ Trần Tử Ngang đời Đường *tiền bất kiến cổ nhân / hậu bất kiến lai giả (trước không thấy người xưa / sau không thấy người mới)* luôn thoáng gợi trong tôi mỗi lần đối diện với khoảng trống để lại sau lưng những người tài khuất bóng. Nhưng người trước ra đi, người sau bước đến. Hãy cứ tin như vậy, ít ra cũng để yên lòng người đi. Và như thế, tôi tin khi vào cõi vĩnh hằng, Hoàng Ngọc Hiến có thể bằng lòng với những gì ông đã làm được trong một cuộc đời dài lâu không ít sóng gió của mình và có thể an lòng với những gì ông chưa làm được mà những lớp người sau sẽ tiếp tục làm. Trước hết là làm một người văn hiến trí thức như ông.

Hà Nội những ngày tận Tết Canh Dần

Phụ đính: